

Số: 1137/QĐ-UBND

Ngọc Kỳ, ngày 04 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách Quý II năm 2021
của xã Ngọc Kỳ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGỌC KỲ

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP Ngày 21/12/2016 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 4829/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
UBND huyện Tứ Kỳ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và
dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2021 cho UBND xã Ngọc Kỳ;*

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán ngân sách xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách quý II năm 2021
của xã Ngọc Kỳ.

(Kèm theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức văn phòng thống kê, công chức Tài chính - Kế toán xã và
các ban, ngành có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính-KH huyện;
- TT Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Thoảng



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN 5 = 3/1	THU NSX 6 = 4/2
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	5.321.393	5.321.393	1.054.309	1.054.309	19,81	19,81
I	Các khoản thu 100%	34.000	34.000	13.136	13.136	38,64	38,64
1	Phí, lệ phí	12.000	12.000	5.636	5.636	46,97	46,97
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	20.000	20.000				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			7.500	7.500		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	2.000	2.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	75.000	75.000	30.173	30.173	40,23	40,23
I	Các khoản thu phân chia	56.000	56.000	29.843	29.843	53,29	53,29
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	19.000	19.000	19.518	19.518	102,73	102,73
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	2.000	2.000				
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	35.000	35.000	10.325	10.325	29,50	29,50
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định	19.000	19.000	329	329	1,73	1,73
2.1	Thu tiền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	13.000	13.000	220	220	1,69	1,69
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	6.000	6.000	110	110	1,83	1,83
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						

UBND XÃ NGỌC KỲ

Biểu số 115/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2021

[illegible]